

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/DS-ST**

Ngày 24 - 01 - 2025

*“Kiện tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các Hội nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và bà Phan Thị Kim Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2024/TLST-DS, ngày 28/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thái B, sinh năm 1987 - có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968 - có mặt;

Địa chỉ: Bon J, xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Vào ngày 09/01/2024 ông Phạm Thái B cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 09/02/2024, lãi suất thỏa thuận 2,5%/ 01 tháng. Hai bên có viết giấy tay ghi nhận nội dung vay mượn tiền trên và có chữ ký xác nhận của các bên. Số tiền này là tài sản riêng của ông B, không liên quan gì đến vợ ông B. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán thì bà D không trả cho ông B theo như thỏa thuận mặc dù ông B đã hỏi thúc nhiều lần nên ông B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D

phải trả cho ông B tổng số tiền là 152.420.600 đồng, trong đó: Số tiền vay gốc là 118.000.000 đồng; lãi suất trong hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày 09/01/2024 đến ngày 09/02/2024 là 01 (một) tháng: 1.970.600 đồng và lãi suất quá hạn tính từ ngày 10/02/2024 đến nay là ngày 15/01/2025 là 11 tháng: 32.450.000 đồng. Tại phiên toà ông B rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất đối với bà D không yêu cầu Toà án giải quyết phần lãi nữa và yêu cầu bà D phải trả toàn bộ số tiền gốc ngay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà D xác nhận vào ngày 09/01/2024 bà D có vay và nợ số tiền 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng) tiền gốc của ông Phạm Thái B, thời hạn thanh toán vào ngày 09/02/2024, lãi suất thỏa thuận 2,5%/ 01 tháng. Mục đích vay để làm ăn và sinh sống. Đây là khoản nợ riêng của bà D; chồng bà D là ông Nguyễn Văn Huy đã chết vào năm 2009 (*Trích lục khai tử số 362/TLKT-BS ngày 13/7/2018*) nên không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà D và ông B. Bà D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thường xuyên ốm đau bệnh tật nên xin được trả dần tiền gốc trong vòng 12 tháng kể từ hôm nay.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy kê ngang đề ngày 09/01/2024 (Bản gốc) về nội dung vay mượn số tiền 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng) tiền gốc, với lãi suất thỏa thuận 2,5%/ 01 tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 09/02/2024; 01 (một) giấy trích lục khai tử của ông Nguyễn Văn Huy (Bản photo); 01 (một) giấy chứng nhận hộ cận nghèo của bà Nguyễn Thị D (bản gốc).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Thái B; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông B số tiền gốc là 118.000.000 đồng; tại phiên toà ông B rút yêu cầu đối với số tiền lãi. Vì vậy cần đình chỉ cần đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà D là hộ cận nghèo có đơn xin miễn tiền án phí, nên bà được miễn tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Phạm Thái B khởi kiện bà Nguyễn Thị D do phát sinh tranh chấp từ giấy viết tay thỏa thuận vay tiền đề ngày 09/01/2024, vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại bon J, xã Đ, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày lợi ích bị xâm phạm. Thời hạn thanh toán đối với số tiền 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng) vào ngày 09/02/2024, ngày 18/10/2024 ông B làm đơn khởi kiện. Do đó thời hiệu khởi kiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[1.3] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 09/01/2024 ông B cho bà D vay số tiền 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 09/02/2024, lãi suất thỏa thuận 2,5%/ 01 tháng. Tuy nhiên, khi đến thời hạn thanh toán thì bà D không thanh toán nên ông B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả số tiền 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh cho ông B.

[2.1] Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tiền lập ngày 09/01/2024 là có thật được các bên thừa nhận và có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông B, HĐXX thấy rằng: Bà D thừa nhận có vay của ông B số tiền 118.000.000 đồng, là khoản nợ riêng của bà D để làm ăn và sinh sống. Thời hạn thanh toán vào ngày 09/02/2024 nhưng do kinh tế khó khăn, thường xuyên ốm đau, bệnh tật nên đến hạn không trả được. Do đó, bà D đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...”

[2.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Thái B rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất đối với bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc rút yêu cầu tính lãi suất này là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.4] Quá trình cho vay, bà D không cầm cố tài sản, giấy tờ gì cho ông B nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thái B. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Phạm Thái B số tiền gốc là 118.000.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu đồng*). Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất trên số nợ gốc 118.000.000 đồng do nguyên đơn ông Phạm Thái B rút yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 118.000.000 đồng x 5% là 5.900.000 đồng (*Năm triệu chín trăm nghìn đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của ông B được chấp nhận nên cần buộc bà D phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị D thuộc hộ cận nghèo có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị D theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho ông Phạm Thái B số tiền 3.589.265 đồng (*Ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 184; Điều 271; Điều 273; Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thái B.

1.1, Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Phạm Thái B số tiền gốc là 118.000.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2, Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất trên số nợ gốc 118.000.000 đồng do nguyên đơn ông Phạm Thái B rút yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí Dân sự sơ thẩm là 5.900.000 đồng (*Năm triệu chín trăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ số tiền trên. Bà Nguyễn Thị

D thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị D.

Hoàn trả cho ông Phạm Thái B số tiền 3.589.265 đồng (*Ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008876 ngày 28/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiêm